

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2023

*“V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi  
con sau khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân.*

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Phiến.*

*2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Vinh.*

***- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.***

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.***

Trong ngày 30/5/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 355/2022/TLST-DS ngày 20/12/2022 về việc *“tranh chấp xin ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXX-ST ngày 14/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2023/QĐST-DS ngày 10/5/2023 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn: Trương Văn K, sinh năm 1982 (có mặt).***

***Địa chỉ: số nhà 64, tổ 19, đường 2/4, khóm H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;***

***- Bị đơn: Lê Cẩm H, sinh năm 1984 (vắng mặt).***

***Địa chỉ: số nhà 253, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trương Văn K trình***

bày:

Anh Trương Văn K và chị Lê Cẩm H quen biết nhau tiến tới hôn nhân, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 19/8/2008.

Sau khi kết hôn anh K và chị H chung sống tại nhà riêng thuộc xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, thời gian chung sống đến năm 2015.

Thời gian đầu sau khi kết hôn anh K, chị H chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh K đi làm ăn xa ở tỉnh Khánh Hòa, anh K muốn chị H và các con cùng ra Khánh Hòa sinh sống nhưng chị H không đồng ý. Từ năm 2015 đến 2017 anh K có gửi tiền hàng tháng về cho chị H (mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng), nhưng khi anh K hỏi thì chị H bảo hết tiền. Từ đó anh K, chị H bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp, thường xuyên cự cãi khiến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, chị H cũng đã có người đàn ông khác. Từ năm 2017 tình cảm của anh K, chị H không thể hàn gắn được nữa nên sống ly thân đến năm 2019 anh K có gửi đơn khởi kiện đến Tòa án để xin ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải nên trở về chung sống cho nhau thời gian suy nghĩ, thay đổi nhưng không có kết quả.

Nay anh Trương Văn K cảm thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm không còn, tính tình không phù hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Trương Văn K yêu cầu ly hôn với chị Lê Cẩm H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong thời gian chung sống có 02 con chung tên Trương Lê Đăng K1, sinh ngày 01/11/2008 và Trương Lê Trúc L, sinh ngày 24/10/2011 (hiện nay 02 con đang sống với chị H). Sau khi ly hôn anh K đồng ý giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ký hôn. Việc cấp dưỡng nuôi con anh K, chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Trương Văn K tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Trương Văn K trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải ngày 12/01/2023 bị đơn chị Lê Cẩm H trình bày:

Chị H, anh K quen biết nhau tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 19/8/2008.

Sau khi kết hôn chị H và anh K chung sống tại nhà riêng tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp đến năm 2015.

Thời gian đầu thì chị H, anh K chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh K có người phụ nữ khác bên ngoài,

anh K tự bỏ công việc tài xế để đi Khánh Hòa làm ăn, lương hàng tháng anh K vẫn gửi về cho chị H nhưng đến năm 2015 thì không gửi tiền về cho chị H nữa (số tiền anh K gửi về chị H dùng vào mục đích nuôi con chung của anh K và chị H). Người anh K quen tên là Thảo (chị H không biết họ tên cụ thể) chị Thảo dùng lời lẽ khó nghe xúc phạm danh dự chị H. Từ đó chị H, anh K thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, khiến đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị H và anh K đã cho nhau thời gian để suy nghĩ thay đổi nhưng không có kết quả, chị H, anh K sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Nay chị H không còn tình cảm với anh K, nhưng anh K yêu cầu xin ly hôn với chị H, chị H không đồng ý.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 02 con chung tên Trương Lê Đăng K1, sinh ngày 01/11/2008 và Trương Lê Trúc L, sinh ngày 24/10/2011. Trường hợp ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con sau khi ly hôn, chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chị H và anh K tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Lê Cẩm H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lê Cẩm H trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo hướng sau:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trương Văn K.

+ Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị giao 02 con chung tên Trương Lê Đăng K1, sinh ngày 01/11/2008 và Trương Lê Trúc L, sinh ngày 24/10/2011 cho chị H nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Anh K và chị H tự thỏa thuận việc cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản chung: Anh K và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Anh K và chị H đều trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Trương Văn K yêu cầu ly hôn với chị Lê Cẩm H. Chị H có nơi cư trú tại: ấp Phú Hội Xuân, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào các Điều 56, 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*tranh chấp xin ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H chỉ đến trình bày ý kiến và tham gia hòa giải vào ngày 12/01/2023. Tòa án mở phiên tòa ngày 10/5/2023 tuy nhiên, chị H vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-DS ngày 10/5/2023 cho chị H tại phiên tòa lần thứ hai (ngày 30/5/2023) chị H vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị Lê Cẩm H là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Anh K, chị H quen biết nhau tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 19/8/2008. Do đó, hôn nhân của anh K, chị H là hợp pháp.

Thời gian đầu thì anh K, chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh K, chị H bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi, nghi kỵ lẫn nhau và sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Anh K xác định không còn tình cảm với chị H, chị H cũng thừa nhận không còn tình cảm với anh K, tuy nhiên anh K yêu cầu xin ly hôn chị H không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho anh K, chị H về đoàn tụ chung sống nhưng không hòa giải được. Anh K, chị H cũng xác định không còn tình cảm với nhau cho thấy được hôn nhân giữa anh K, chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh K là có cơ sở, ý kiến chị H không đồng ý ly hôn là không có cơ sở để chấp nhận. Từ các nhận định trên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trương Văn K.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong thời gian chung sống anh K, chị H có 02 con chung tên Trương Lê Đăng K1, sinh ngày 01/11/2008 và Trương Lê Trúc L, sinh ngày 24/10/2011. Sau khi ly hôn anh K và chị H đã thỏa thuận giao 02 con cho chị H nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chị H, anh K tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Anh Trương Văn K không trực tiếp nuôi con, thì có quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Anh Trương Văn K và chị Lê Cẩm H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh Trương Văn K và chị Lê Cẩm H trình bày không có, nên

không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu xin ly hôn của anh K được chấp nhận nên anh K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành được trừ vào án phí anh K phải chịu.

[8] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K là phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 56, 71, 72, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trương Văn K.

Anh Trương Văn K được ly hôn với chị Lê Cẩm H.

**2.** Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung tên Trương Lê Đăng K1, sinh ngày 01/11/2008 và Trương Lê Trúc L, sinh ngày 24/10/2011 cho chị Lê Cẩm H nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Lê Cẩm H không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Anh Trương Văn K được quyền đến năm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

**3.** Về tài sản chung: Anh Trương Văn K và chị Lê Cẩm H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

**4.** Về nợ chung: Anh Trương Văn K và chị Lê Cẩm H đều trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

**5.** Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền án phí anh K đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015432 ngày 19/12/2022 được trừ vào án phí anh K phải nộp (anh K đã nộp xong án phí).

**6.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (số 100 ngày 19/8/2008);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Nhân**